

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TML23B2
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)		Giáo dục thể chất(1)		Pháp luật(1)	Tiếng anh chuyên ngành(2)		An toàn lao động điện lạnh(2)	Cơ sở kỹ thuật nhiệt lạnh(3)	Điện tử căn bản(5)	Kỹ thuật nguội(3)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2355202054006	Quách Trường	An	13/09/2008	9.7	2.4	2.7	2.1	2.2	1.1	0.4	0.7	2.3	1.3			1.3	Yếu
02	2355202054007	Nguyễn Tuấn	Duy	15/07/2008	9.3	6.0	8.1	6.5	7.9	5.4	6.6	7.0	8.1	6.9			6.9	Trung bình
03	2355202054008	Lâm Thành	Đạt	10/06/2008	10.0	6.8	7.5	5.9	6.8	4.6	6.9	5.8	8.1	6.4			6.4	Trung bình
04	2355202054009	Quang Hải	Đăng	30/08/2008	9.9	7.6	7.4	6.9	7.5	5.6	8.2	6.7	7.1	7.1			7.1	Khá
05	2355202054010	Trần Toàn	Đăng	20/10/2007	9.8	7.8	7.3	5.0	7.3	5.4	6.1	5.9	7.5	6.2			6.2	Trung bình
06	2355202054011	Võ Trường	Giang	25/03/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.7	0.0	0.1			0.1	Yếu
07	2355202054012	Nguyễn Minh	Hiếu	09/04/2008	9.8	7.3	8.7	7.4	7.4	7.1	7.2	5.9	8.0	7.2			7.2	Khá
08	2355202054013	Nguyễn Văn Trung	Hiếu	09/04/2008	9.7	7.6	7.1	3.8	5.0	1.5	0.4	0.0	6.0	2.4			2.4	Yếu
09	2355202054014	Phạm Tuấn	Huy	09/04/2008	3.8	2.2	1.2	2.0	2.5	1.4	0.0	0.6	1.0	1.0			1.0	Yếu
10	2355202054015	Nguyễn Nhật	Khánh	08/01/2008	9.9	8.8	8.2	5.1	5.5	5.4	7.2	5.5	8.4	6.4			6.4	Trung bình
11	2355202054016	Trần Anh	Khoa	09/08/2008	9.7	6.4	7.4	4.3	5.6	3.8	9.1	5.9	6.1	6.3			6.3	Trung bình
12	2355202054017	Đoàn Chiu Giang	Kiệt	19/11/2008	10.0	6.4	8.4	5.0	7.4	4.7	7.3	7.0	7.8	6.7			6.7	Trung bình
13	2355202054018	Nguyễn Vũ	Linh	07/10/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	Yếu
14	2355202054019	Trần Trương Bảo	Long	24/12/2008	9.8	5.2	7.1	5.5	6.2	4.1	6.9	6.1	7.4	6.1			6.1	Trung bình
15	2355202054020	Trần Văn	Luân	01/03/2008	9.8	9.0	7.1	6.1	6.8	4.1	7.1	6.1	7.3	6.3			6.3	Trung bình
16	2355202054021	Lâm Hoài	Phong	02/01/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	Yếu
17	2355202054022	Lê Châu	Phú	14/11/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	Yếu
18	2355202054023	Nguyễn Hữu	Phúc	16/03/2008	9.8	5.2	7.4	6.3	7.6	6.4	6.7	5.9	8.4	6.8			6.8	Trung bình
19	2355202054024	Trịnh Vinh	Quang	18/11/2008	9.4	6.8	7.2	6.8	5.3	5.0	5.8	6.0	7.4	6.0			6.0	Trung bình
20	2355202054025	Lê Văn	Quân	23/04/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.7	0.0	0.1			0.1	Yếu
21	2355202054026	Nguyễn Hồng	Quân	05/04/2007	9.7	2.1	2.5	2.0	2.1	0.3	2.3	0.0	2.5	1.6			1.6	Yếu

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)		Giáo dục thể chất(1)		Pháp luật(1)	Tiếng anh chuyên ngành(2)		An toàn lao động điện lạnh(2)	Cơ sở kỹ thuật nhiệt lạnh(3)	Điện tử căn bản(5)	Kỹ thuật nguội(3)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2355202054027	Lê Văn	Quý	25/01/2008	9.5	7.0	8.2	5.4	6.9	6.7	6.0	5.8	7.7	6.4				Trung bình
23	2355202054028	Vũ Đình	Quốc	30/09/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
24	2355202054029	Đặng Lê Thế	Sang	28/03/2008	10.0	7.6	9.7	8.2	7.8	8.4	6.4	5.9	9.7	7.6				Khá
25	2355202054030	Đoàn Minh	Sáng	21/04/2007	9.8	9.3	8.1	5.1	6.4	5.0	5.5	5.7	7.6	5.9				Trung bình
26	2355202054031	Trần Tín	Sử	17/11/2008	10.0	7.5	8.8	6.8	7.3	6.1	6.9	7.1	8.7	7.1				Khá
27	2355202054032	Nguyễn Phát	Tài	21/06/2007	8.1	7.8	7.6	7.7	6.3	3.8	6.0	6.1	7.9	6.2				Trung bình
28	2355202054033	Nguyễn Văn	Tấn	11/11/2008	0.0	0.0	0.0	2.1	0.0	0.0	0.0	0.7	0.0	0.4				Yếu
29	2355202054034	Nguyễn Quốc	Thái	05/09/2008	9.8	7.0	8.0	3.6	6.1	4.3	6.7	6.3	7.4	6.0				Trung bình
30	2355202054035	Nguyễn Quốc	Thái	29/06/2008	8.9	6.4	8.0	4.4	2.8	4.2	5.7	6.1	7.9	5.4				Trung bình
31	2355202054036	Phùng Thanh	Thái	14/12/2008	9.9	5.9	7.7	5.7	5.2	1.4	6.7	5.9	7.2	5.5				Trung bình
32	2355202054037	Trần Quốc	Thái	02/08/2008	9.8	8.4	8.0	5.4	7.1	5.2	6.1	5.6	6.8	6.1				Trung bình
33	2355202054038	Bùi Tuấn	Thanh	15/01/2008	9.8	7.0	6.9	5.8	7.8	5.4	6.7	7.0	7.8	6.7				Trung bình
34	2355202054039	Ngô Hồ Phú	Thiện	12/11/2008	9.1	7.0	7.7	6.6	6.3	4.4	6.9	6.1	7.9	6.4				Trung bình

*Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.*

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 02 tháng 02 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái